XỬ LÝ HÌNH SỰ VI PHẠM MÔI TRƯỜNG:
NHỮNG BẤT CẬP CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Hà Nội, 2009

TRUNG TÂM CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN
Số 3, ngõ 55, phố Đỗ Quang, Hà Nội
Điện thoại: 04-3556 4001 * Fax: 04-3556 8941
Email: policy@nature.org.vn
Website: www.nature.org.vn

Quy định pháp luật về tội phạm môi trường là chính sách hình sự của nhà nước đối với các hành vi xâm hại môi trường. Bộ Luật hình sự năm 1999 (sửa đổi) của Việt Nam đã xây dựng một chương riêng quy định các loại tội phạm về môi trường (chương XVII). Chương này gồm có 10 điều, từ điều 182 đến 191. Gần 10 năm Bộ luật đi vào cuộc sống, có rất ít các vụ vi phạm môi trường bị khởi tố và truy cứu trách nhiệm hình sự, ngoại trừ một số vụ án săn bắt, tiêu thụ động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm và huỷ hoại rừng. Thực tế này trái ngược hoàn toàn với tình trạng vi phạm môi trường ở Việt Nam đang có xu hướng gia tăng, diễn biến phức tạp, nguy hiểm hơn, và đã gây ra những tác động tiêu cực đến môi trường và đời sống kinh tế xã hội của nhân dân. Với quan điểm là loại hình tội phạm mới, Việt Nam cần phải có những đánh giá và nhận thức lại về khía cạnh pháp lý của tội phạm môi trường, về mức độ răn đe của luật pháp, về nguy cơ và viễn cảnh của môi trường trong tương lai. Những cân nhắc này, nếu được xem xét thấu đáo, sẽ giúp cải thiện các quy định pháp luật của Việt Nam về tội phạm môi trường (TPMT).

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ TỘI PHẠM MÔI TRƯỜNG

Chính sách hình sự về BVMT của Việt Nam đã được cụ thể hóa bằng quy định 10 hành vi phạm tội về môi trường trong Chương XVII của Bộ Luật hình sự 1999. Là luật chi tiết và không có văn bản hướng dẫn thi hành, mỗi điều khoản về TPMT trong Bộ Luật hình sự 1999 đều đã xác định hành vi phạm tội, căn cứ truy cứu hình sự, định khung (phạt tiền) và định hình (phạt tù) tương ứng với ba mức độ hậu quả gây ra (nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng. Đối với hành vi gây hậu quả nghiêm trọng, các hình phạt được áp dụng bao gồm phạt tiền và cải tạo không giam giữ, hoặc phạt tiền và phạt tù. Đối với hành vi gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì sẽ bị phạt tù, và có thể kèm các hình phạt bổ sung (bao gồm phạt tiền và cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định trong khoảng thời gian xác định). Bảng dưới tóm tắt các mức định khung và định hình thấp nhất và cao nhất của Bộ Luật hình sự 1999 đối với tội phạm môi trường.

Loại tội phạm môi trường	Phạt tiền (triệu đồng)		Phạt tù (năm tù)	
	Thấp nhất	Cao nhất	Thấp nhất	Cao nhất
Tội gây ô nhiễm không khí (Điều 182)	10	100	0.5	10
Tội gây ô nhiễm nguồn nước (Điều 183)	10	100	0.5	10
Tội gây ô nhiễm đất (Điều 184)	10	100	0.5	10
Tội nhập khẩu công nghệ, máy móc, thiết bị, phế thải hoặc các chất không đảm bảo tiêu chuẩn BVMT (Đ.185)	10	100	0.5	10
Tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người (Đ.186)	10	100	1	10
Tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật (Điều 187)	10	100	0.5	7
Tội huỷ hoại nguồn lợi thuỷ sản (Điều 188)	10	200	0.5	5
Tội huỷ hoại rừng (Điều 189)	10	100	0.5	15
Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm (Điều 190)	5	50	0.5	7
Tội vi phạm chế độ bảo vệ đặc biệt đối với khu bảo tồn thiên nhiên (Điều 191)	5	50	0.5	5

Ghi chú: Các mức phạt nói trên không bao gồm hình phạt cải tạo không giam giữ (khi gây ra hậu quả nghiêm trọng), hoặc các hình phạt bổ sung (khi gây ra hậu quả rất hoặc đặc biệt nghiêm trọng).

***Điều 127 về Xử lý vi phạm của Luật Bảo vệ Môi trường 2005* nêu rõ:**
"Người vi phạm pháp luật về BVMT thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác thì có phải khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định cuả Luật này và các quy định khác cuả pháp luật có liên quan."

Người đứng đầu tổ chức, cán bộ, công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây phiền hà, nhũng nhiễu cho tổ chức, công dân, bao che cho người vi phạm pháp luật về BVMT hoặc thiếu trách nhiệm để xảy ra ô nhiễm, sự cố môi trường nghiêm trọng thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trường hợp gây thiệt hại thì có phải bồi thường theo quy định cuả pháp luật."

Điều khoản này đã khẳng định tất cả những hành vi vi phạm pháp luật về BVMT ở mức độ nghiêm trọng đều có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Nhưng thực tế, mới chỉ có 10 loại tội phạm môi trường được xác định (như trên). Một số hành vi bị nghiêm cấm trong Luật BVMT (Điều 7) lại chưa được coi là TPMT như: hành vi gây tiếng ồn, độ rung vượt tiêu chuẩn cho phép; xâm hại công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường; hoạt động trái phép, sinh sống ở khu vực được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định là khu vực cấm do mức độ nguy hiểm về môi trường đối với sức khoẻ và tính mạng con người; hoặc che dấu hành vi huỷ hoại môi trường, cản trở hoạt động bảo vệ môi trường, làm sai lệch thông tin dẫn đến gây hậu quả xấu đến môi trường...

Trong 10 loại tội phạm môi trường nói trên, có một số tội danh được các luật khác trong lĩnh vực môi trường đề cập dưới hình thức "bị truy cứu trách nhiệm hình sự" tại các quy định về xử lý hành vi vi phạm khi tính chất và mức độ vi phạm vượt khung xử phạt hành chính. Cụ thể về những điều khoản này được trình bày như dưới đây.

***Điều 85-Xử lý vi pham của Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng 2004 (sửa đổi)* quy định:**

1. Người phá rừng, đốt rừng, huỷ hoại tài nguyên rừng; khai thác rừng trái phép; săn, bắn, bắt, bẫy, nuôi nhốt, giết mổ động vật rừng trái phép; mua bán, kinh doanh, vận chuyển trái phép lâm sản hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.
2. Người lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm các quy định của pháp luật trong việc giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng, cho phép sử dụng rừng, khai thác lâm sản; thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong việc thi hành pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; bao che cho người vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng hoặc có hành vi khác vi phạm các quy định của Luật này thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật."

Việc truy cứu trách nhiệm hình sự với trường hợp này được thể hiện qua 3 loại tội phạm môi trường tương ứng trong Bộ Luật hình sự là: Tội huỷ hoại rừng (Điều 189), Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm (Điều 190), và Tội vi phạm chế độ bảo vệ đặc biệt đối với khu bảo tồn thiên nhiên (Điều 191).

***Điều 71-Xử lý vi phạm của Luật Tài nguyên nước 1998* quy định:**

1. Người nào có hành vi gây suy thoái, cạn kiệt nghiêm trọng nguồn nước; không tuân theo sự huy động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có sự cố về nguồn nước; phá hoại hoặc gây mất an toàn công trình thuỷ lợi; không thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Luật này hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về tài nguyên nước, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
2. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm hoặc bao che cho người có hành vi vi phạm các quy định đối với việc cấp giấy phép về tài nguyên nước và các quy định khác của Luật này; sử dụng trái pháp luật các khoản thu tiền nước, phí, lệ phí thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật."

Truy cứu hình sự trong trường hợp này thường ghép vào tội danh Tội gây ô nhiễm nguồn nước (Điều 183) của Bộ Luật hình sự 1999 (sửa đổi).

Điều 58-Xử lý vi phạm của Luật Thuỷ sản 2003 quy định:

1. Người nào có hành vi vi phạm quy định của Luật này thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm hoặc bao che cho người có hành vi vi phạm quy định của Luật này thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật."

Truy cứu hình sự trong trường hợp vi phạm thuộc luật này thường tương ứng với tội danh Tội huỷ hoại nguồn lợi thuỷ sản (Điều 188) của chương XVII – Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi).

***Điều 64-Xử lý vi phạm của Luật Khoáng sản 1996* cũng quy định cụ thể như sau;**

1. Người nào làm lộ bí mật nhà nước về tài nguyên khoáng sản, hoạt động khoáng sản không có giấy phép, cản trở việc bảo vệ tài nguyên khoáng sản, cản trở hoạt động khoáng sản hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác, cản trở việc kiểm tra, thanh tra về khoáng sản hoặc vi phạm các quy định khác của Luật này thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
2. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm các quy định về việc cấp giấy phép hoạt động khoáng sản hoặc các quy định khác của Luật này thì tuỳ theo mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật".

Chương XVII - Tội phạm về môi trường của Bộ Luật hình sự 1999 lại chưa có bất kỳ quy định nào về các tội danh liên quan đến vi phạm này, mà hành vi vi phạm này sẽ được truy tố theo Điều 172 về "Tội vi phạm các quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên" tại Chương XVI - Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Bộ Luật hình sự.

QUAN ĐIỂM VỀ TỘI PHẠM MÔI TRƯỜNG CHƯA RÕ RÀNG

Luật Bảo vệ Môi trường 2005 (sửa đổi) của Việt Nam đã xác định "Bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn xã hội, quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân" (Điều 4, mục 2) và "Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm, suy thoái môi trường có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật" (Điều 4, mục 5). Đây chính là quan điểm nhất quán về quyền và trách nhiệm của các chủ thể pháp luật đối với công tác BVMT ở Việt Nam. Điều 7 của Luật BVMT cũng quy định 15 hành vi vi phạm môi trường cụ thể bị nhà nước nghiêm cấm.

Xét theo hậu quả của hành vi vi phạm, điều 127 của Luật BVMT 2005 phân chia hành vi vi phạm quy định pháp luật về BVMT thành hai mức độ: (1) Đối với các vi phạm gây hậu qủa nhẹ, trong khung xử phạt vi phạm hành chính, sẽ gọi là vi phạm hành chính về BVMT; và (2) Các vi phạm gây hậu qủa nghiêm trọng vượt quá khung xử phạt hành chính, chuyển sang truy tố trách nhiệm hình sự, hay còn gọi là tội phạm về môi trường.

Quy định nói trên có vai trò quan trọng để Bộ Luật hình sự tham chiếu xây dựng các quy định về tội phạm môi trường (TPMT). Tuy nhiên, đến nay khái niệm về TPMT vẫn chưa được luật hoá, mà mới chỉ được định nghĩa trong một số công trình nghiên cứu về pháp luật. Theo Phạm Văn Lợi và những người khác (2004), nếu căn cứ vào định nghĩa "Tội phạm" của Bộ luật hình sự 1999, thì có thể định nghĩa các tội phạm về môi trường "là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được luật hình sự quy định, xâm phạm đến các quan hệ xã hội liên quan đến việc bảo vệ môi trường tự nhiên thuận lợi, có chất lượng, đến việc sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và việc đảm bảo an ninh sinh thái đối với dân cư". Một định nghĩa khác, tuy không được cụ thể, cũng đã nhấn mạnh tội phạm về môi trường "là các hành vi nguy hiểm cho xã hội vi phạm các quy định của Nhà nước về môi trường, qua đó gây thiệt hại cho môi trường".

Rõ ràng, các khái niệm nói trên mặc dù đã nêu được bản chất cơ bản của TPMT, song vẫn chưa thể hiện được đặc trưng của loại tội phạm này và phân biệt nó với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường. Đây có thể coi là một rào cản lớn trong việc xác định chính xác TPMT để có thể tiến hành truy tố được loại tội phạm này. Sự cần thiết phải luật hóa khái niệm "tội phạm môi trường" một cách hợp lý, khoa học, chính xác, sát thực tế là rất cần thiết, để từ đó diễn giải các trách nhiệm hình sự đối với các chủ thể có hành vi vi phạm trong lĩnh vực BVMT. Nếu không có sự nhận thức đúng đắn về loại tội phạm này, thì việc xây dựng các hình thức chế tài, phạm vi và khả năng phòng ngừa, ngăn chặn hành vi vi phạm sẽ trở nên khó khăn hơn.

NHỮNG BẤT CẬP CỦA CÁC QUY ĐỊNH VỀ TỘI PHẠM MÔI TRƯỜNG

Bối cảnh vi phạm môi trường ở Việt Nam ngày càng phổ biến, đa dạng, liên tục; mức độ tổn hại ngày càng nghiêm trọng, nhưng không có nhiều vụ bị truy cứu trách nhiệm hình sự, cho dù các quy định về tội phạm môi trường đã có hiệu lực trong gần 10 năm qua. Những vụ sai phạm điển hình như Công ty TNHH Vedan xả nước thải trực tiếp xuống sông Thị Vải (Đồng Nai), Công ty sửa chữa tàu biển Huyndai-Vinashin xả chất thải rắn (hạt nic) độc hại không qua xử lý ra môi trường ở Khánh Hòa, nhà máy Miwon (Việt Trì – Phú Thọ) xả nước thải chưa qua xử lý ra sông Hồng; hành vi xả nước thải độc hại ra sông Đông Điền (huyện Nhà Bè – Thành phố Hồ Chí Minh) của công ty cổ phần thuộc da Hào Dương; các công ty nhập chất thải phế liệu về cảng Hải Phòng, Sài Gòn và Đà Nẵng;...đều không bị xử lý hình sự. Việc (phải) áp dụng các biện pháp xử phạt hành chính đối với các vụ sai phạm này đã bộc lộ những bất cập của chính sách hình sự hóa vi phạm môi trường, cũng như sự yếu kém của bộ máy cơ quan nhà nước về quản lý môi trường ở cấp trung ương và địa phương. Từ đó, đã dẫn đến những nghi ngờ rằng các trường hợp phạm tội đã lọt lưới pháp luật.

Theo Nguyễn Mạnh Hiển (2008), trong số 10 tội danh về phạm tội môi trường nói trên, đến nay ở Việt Nam mới chỉ có 2 tội danh bị khởi tố điều tra và đưa ra xét xử là huỷ hoại rừng (Điều 189) và vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã, quý hiếm (Điều 190). Các trường hợp đã bị khởi tố và tuyên án như vụ săn bắn trộm bò rừng ở VQG Ea Sô (Đắk Lắk, năm 2003) với mức án cao nhất dành cho người vi phạm là 3 năm tù giam và không có hình thức phạt tiền kèm theo; hoặc vụ vận chuyển và buôn bán, xẻ thịt nấu cao hổ ở nhà 103b, B5, tập thể Thanh Xuân Bắc, Hà Nội (năm 2007) với mức án cao nhất là 30 tháng tù giam. Tuy nhiên, bên cạnh đó, cũng có những vụ vi phạm như buôn bán trái phép động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm không những không bị xử lý hình sự, mà còn được "hợp thức hóa" bằng các xử lý hành chính, do cơ quan thi hành pháp luật không xác định được nguồn gốc bằng chứng vi phạm, thiếu các tiền lệ khởi tố, những bất cập của can thiệp hành chính, và quan trọng hơn cả là do quy định của Bộ Luật hình sự chưa đủ sáng tỏ để áp chế sai phạm. Điển hình cho trường hợp này là vụ mua bán và nuôi nhốt hổ sinh đẻ của ông Ngô Duy Tân ở tỉnh Bình Dương năm 2007.

Từ những lỗ hổng giữa thực tế về tình trạng vi phạm môi trường ngày càng tăng, trong khi có rất ít vụ, hoặc thậm chí không có vụ nào đối với một số loại vi phạm cụ thể, bị khởi tố và xử lý hình sự cho thấy sự bất cập của quy định pháp luật về TPMT, và sự yếu kém của cơ quan thi hành pháp luật về TPMT ở Việt Nam. Một số bất cập được trình bày dưới đây.

(a) Bất cập về chủ thể vi phạm phải chịu trách nhiệm hình sự

Bộ Luật hình sự 1999 của Việt Nam quy định chỉ truy cứu hình sự đối với các cá nhân vi phạm, chứ không áp dụng cho các đối tượng là các tổ chức, công ty, tập đoàn có tư cách pháp nhân. Đây là "lỗ hổng" lớn nhất vì các cơ quan tố tụng không thể khởi tố hình sự và định tội các doanh nghiệp hay người đứng đầu doanh nghiệp khi họ là chủ thể các vi phạm môi trường như Bộ Luật hình sự đã định tội. Khi vi phạm môi trường, hiện nay các đối tượng doanh nghiệp hay tổ chức cũng mới bị xử lý hành chính phạt tiền, hoặc cao nhất là yêu cầu đóng cửa, chấm dứt sản xuất theo quy định của Luật BVMT. Chính vì không phải

chịu trách nhiệm hình sự, nên xu hướng các doanh nghiệp "ngang nhiên" vi phạm môi trường ngày càng nhiều, thậm chí họ sẵn sàng chấp nhận nộp phạt nhiều lần để duy trì hoạt động sản xuất. Kết quả của đợt thanh, kiểm tra môi trường do Bộ TNMT thực hiện đến tháng 2/2009 cho thấy tất cả số đơn vị hoạt động trong lĩnh vực môi trường và tài nguyên nước đều vi phạm, và bị xử phạt vi phạm hành chính với số tiền hơn 8,5 tỷ đồng, truy thu việc trốn nộp phí BVMT hơn 127 tỷ đồng, tuy nhiên không có doanh nghiệp nào bị khởi tố về hành vi gây ô nhiễm của mình.

Luật Bảo vệ môi trường 2005 không quy định hình phạt cụ thể đối với từng hành vi vi phạm mà tùy vào tính chất, mức độ và thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra mà tổ chức, cá nhân sẽ bị áp dụng trách nhiệm pháp lý tương ứng, có thể là hành chính, dân sự, kỷ luật hay hình sự. Do vậy, với những hành vi vi phạm của công ty Vedan, doanh nghiệp và những người có liên quan thuộc công ty sẽ bị áp dụng trách nhiệm pháp lý về hành chính, chủ yếu là phạt tiền.

Về trách nhiệm dân sự, Điều 624 của Bộ Luật Dân sự 2005 quy định: "Cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác làm ô nhiễm môi trường gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, kể cả trường hợp người gây ô nhiễm môi trường không có lỗi". Do vậy, như trường hợp Công ty TNHH Vedan có hành vi vi phạm pháp luật môi trường (xả nước thải không bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường) nên phải bồi thường thiệt hại do mình gây ra. Đáng lưu ý ở đây là luật cũng quy định các bên phải đưa ra bằng chứng để chứng minh cho yêu cầu, quan điểm của mình. Vì thế, để buộc doanh nghiệp vi phạm bồi thường thiệt hại, bên bị hại phải chứng minh được có thiệt hại thực tế xảy ra và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm của doanh nghiệp với thiệt hại đó. Tuy nhiên, việc xác định hậu quả thực tế do một doanh nghiệp như Công ty TNHH Vedan gây ra do làm ô nhiễm môi trường, tính toán thiệt hại gián tiếp, trực tiếp đối với tài sản, tính mạng, sức khỏe, môi trường với các kết quả định lượng là không hề đơn giản.

Về trách nhiệm hình sự, một trong những nguyên tắc của Bộ Luật hình sự Việt Nam là "cá thể hóa trách nhiệm hình sự, chỉ được áp dụng với cá nhân mà không được áp dụng đối với các pháp nhân (tổ chức). Với khung luật pháp hiện nay, các cơ quan tố tụng Việt Nam không thể truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Công ty TNHH Vedan được, mặc dù doanh nghiệp này đã có những vi phạm kéo dài và thiệt hại khá rõ ràng. Nếu cơ quan tố tụng chuyển hướng sang truy cứu hình sự cá nhân của doanh nghiệp vi phạm như Công ty Vedan thì cũng khó thực hiện do không đáp ứng được yêu cầu "đã bị xử phạt hành chính" mà từ trước đến nay mới chỉ áp dụng cho công ty (pháp nhân) chứ chưa từng áp dụng cho cá nhân nào của công ty. Yêu cầu này thể hiện tại Điều 183 của Bộ Luật hình sự 1999 quy định hành vi gây ô nhiễm nguồn nước có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nhưng yếu tố cơ bản cấu thành phải là "đã bị xử phạt hành chính mà cố tình không thực hiện các biện pháp khắc phục theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền gây hậu quả nghiêm trọng".

(b) Bất cập về xác định hậu quả của hành vi phạm tội

Bộ Luật hình sự 1999 xác định tội phạm về môi trường có 3 mức độ là "gây hậu quả nghiêm trọng", "gây hậu quả rất nghiêm trọng" và "gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng". Đây là cơ sở để định khung phạt và định hình phạt tương ứng. Tuy nhiên, việc áp dụng các điều luật về tội phạm môi trường thường có những bất cập như sau:

Thứ nhất, Bộ Luật hình sự 1999 chưa xác định được phạm vi hậu quả của một hành vi xâm hại môi trường thế nào là "nghiêm trọng", "rất nghiêm trọng", hoặc "đặc biệt nghiêm trọng". Gây ô nhiễm nguồn nước, không khí, đất, hủy hoại rừng đều có thể gây ra những hậu quả về kinh tế, xã hội và môi trường, trong đó có thể gây tổn hại sức khỏe cho cộng đồng và người xung quanh, gây tổn thương tâm lý, làm mất việc làm, mất thu thập, đình trệ sản xuất, giảm năng suất và chất lượng canh tác, làm mất khả năng phục hồi sinh thái của môi trường,.. Rõ ràng, khi xác định hậu quả cần phải tổng hợp tất cả những thiệt hại và tổn thương mà hành vi vi phạm môi trường gây ra, và phải định lượng được thiệt hại thì mới khẳng định được phạm vi hậu quả. Tuy nhiên, trong Bộ Luật hình sự chưa có quy định về cách "định lượng này".

Thứ hai, việc định lượng hậu quả của các hành vi tội phạm môi trường là rất khó khăn và thiếu sự chắc chắn. Đến nay, vẫn chưa có các phương pháp tính toán thiệt hại một cách khoa học và được chấp nhận

rộng rãi. Một phương pháp đang được sử dụng nhiều để tính toán thiệt hại môi trường là tiến hành lượng hoá những thiệt hại đó với quan điểm coi môi trường là nơi cung cấp cho con người và hệ thống kinh tế các loại giá trị (values) và khi sử dụng chúng, bằng cách này hay cách khác thì con người sẽ thu về những lợi ích nhất định (benefits). Hiện nay, Bộ Tài nguyên – Môi trường cũng đang soạn thảo nghị định quy định về xác định thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với môi trường, với mong muốn tạo ra một công cụ pháp lý để định lượng hậu quả vi phạm môi trường. Về mặt kỹ thuật, thiệt hại môi trường khó có thể tính toán cụ thể do hậu quả gây ra có thể liên quan đến nhiều đối tượng ở mức độ khác nhau (con người, môi trường), ở nhiều thời điểm khác nhau (hiện tại, tương lai), ở các khía cạnh khác nhau (sức khỏe, thu nhập, tinh thần,..), cũng như do thiếu các hiểu biết khoa học để tính toán các yếu tố không chắc chắn như khả năng phục hồi của môi trường, thiệt hại của thế hệ tương lai.

Thứ ba, việc xác định và định vị đúng chủ thể phạm tội môi trường là hết sức khó khăn. Ví dụ, các nhà khoa học hình sự và môi trường khó có thể xác định được mức độ gây thiệt hại đối với đời sống kinh tế xã hội của người dân ở dọc sông Thị Vải do Công ty TNHH Vedan xả thải xuống sông khi hai bên dòng sông đó cũng có nhiều doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân cũng tham gia xả thải xuống sông trong cùng thời gian xác định, kể cả các đối tượng ngay khu vực điều tra và vùng thượng nguồn. Việc xác định tỷ lệ gây hại của mỗi doanh nghiệp gây ô nhiễm như tình huống này là bất khả kháng. Bên cạnh đó, việc xác định nguyên nhân tổn hại cho từng đối tượng cụ thể cũng rất thách thức; ví dụ: một cá nhân bị tổn hại sức khỏe có thể do ô nhiễm môi trường, hoặc do di truyền, do nước uống, thức ăn hoặc tập quán sinh sống,..

(c) Bất cập về "yếu tố bắt buộc" trong truy cứu hình sự

Quy định về TPMT của Bộ Luật hình sự 1999 tại điều 182, 183, 184, 185, 187, 188, 189, 191 (8 điều) yêu cầu tình tiết "đã bị xử phạt hành chính" là yếu tố bắt buộc để truy cứu hình sự. Đây là một bất cập vì việc xử phạt hành chính chỉ có thời hạn hiệu lực thi hành là 1 năm; nếu sau 1 năm mà có vi phạm lặp lại sẽ coi như chưa từng bị xử phạt hành chính (theo Khoản 1, Điều 11, Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002); và khi đó nếu có vi phạm nghiêm trọng thì theo luật chưa chắc đã bị truy cứu hình sự. Đây là lý do vì sao nhiều doanh nghiệp "sẵn sàng" hoặc "thích" được nộp phạt để duy trì sản xuất, hơn là áp dụng các công nghệ giảm thiểu ô nhiễm, hủy hoại môi trường nhưng đòi hỏi mức đầu tư cao hơn nhiều lần so với số tiền bị phạt hành chính.

(d) Bất cập về sự chồng chéo giữa các quy định của luật pháp

Dẫn chứng về quy định nhập khẩu phá dỡ tàu cũ và nhập khẩu thép phế liệu cho thấy sự bất cập giữa quy định của các luật cũng như giữa luật và văn bản dưới luật.

Mâu thuẫn giữa nghị định và luật. Ngày 18/05/2006, Chính phủ ban hành Nghị định 49/2006/NĐ-CP về đăng ký, mua bán tàu biển, cho phép các doanh nghiệp nhập khẩu tàu biển cũ để phá dỡ lấy thép phế liệu cung cấp cho ngành luyện thép. Tuy nhiên, ngay sau đó, ngày 01/7/2006, Luật BVMT 2005 đã có hiệu lực với quy định tại khoản 2, điều 42 "Cấm nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải đã quá sử dụng để phá dỡ". Mâu thuẫn này đã dẫn đến việc các doanh nghiệp mua bán và nhập khẩu tàu cũ, ban đầu là hành vi được khuyến khích, sau đó lại rơi vào tình trạng vi phạm pháp luật BVMT, thậm chí nếu gây hậu quả nghiêm trọng còn có thể bị truy cứu hình sự theo Điều 185 của Bộ Luật hình sự 1999 về "Tội nhập khẩu công nghệ, máy móc thiết bị, phế thải hoặc các chất không đảm bảo tiêu chuẩn BVMT."

Mâu thuẫn giữa luật và luật. Cũng tại điều 42 và 43, Luật BVMT đã quy định những yêu cầu đối với việc nhập khẩu quá cảnh hàng hoá cũng như hàng hoá phế liệu. Điều 43 quy định chỉ có doanh nghiệp trực tiếp sử dụng phế liệu mới được nhập khẩu. Có nghĩa, luật không cho phép mọi hoạt động nhập khẩu uỷ thác, nhập khẩu qua trung gian. Thậm chí, trong cùng một tổng công ty nhưng chỉ có đơn vị thành viên trực tiếp sử dụng nguyên liệu thì mới được phép nhập khẩu phế liệu, còn những đơn vị khác, ngay cả với công ty mẹ cũng không được mở đơn hàng nhập khẩu cho công ty con. Các quy định có thể làm cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài sẽ phải đối mặt với khó khăn về nguyên liệu đầu vào. Diễn giải này cho thấy Luật BVMT 2005 đã đi ngược lại với luật Doanh nghiệp 2005, can thiệp vào quyền kinh doanh của các doanh nghiệp như trong điều 7, Luật Doanh nghiệp 2005 đã quy định: "DN thuộc mọi thành phần kinh tế có quyền kinh doanh các ngành nghề mà pháp luật không cấm", và chưa có văn bản luật nào cấm nhập khẩu thép phế liệu vào thời điểm đó.

Để giải quyết mâu thuẫn nói trên, Bộ Công Thương và Bộ TNMT đã ban hành Thông tư liên tịch số 02/2007/TTLT-BCT-BTNMT về hướng dẫn thực hiện điều 43 Luật BVMT về tiêu chuẩn, điều kiện kinh doanh nhập khẩu phế liệu. Thông tư này cho phép nhập khẩu uỷ thác các doanh nghiệp trực tiếp sản xuất và chỉ cần xuất trình hợp đồng giữa bên bán-mua khi làm thủ tục thông quan, mà không bó hẹp đối tượng được phép nhập khẩu phế liệu như luật đã quy định.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG CỦA QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VÀ NHỮNG BỔ SUNG CHO CHÍNH SÁCH HÌNH SỰ HOÁ TỘI PHẠM MÔI TRƯỜNG

Theo quan điểm trước đây, hành vi cấu thành TPMT là những hành vi xâm hại đến môi trường có tính nguy hiểm xã hội cao. Điều này có nghĩa không phải tất cả những hành vi xâm hại đến môi trường đều bị hình sự hóa. Những hành vi có tính nguy hiểm xã hội thấp hơn, chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ được xử lý bằng các biện pháp xử phạt hành chính, truy cứu trách nhiệm hoặc tuyên truyền, giáo dục. Do TPMT hiện nay có nhiều biến tướng và thủ đoạn tinh vi hơn, thì những người làm luật cần nhìn nhận kỹ lưỡng những rủi ro có thể có của quy định pháp luật hiện hành đối với môi trường cũng như những nội dung mới cần xem xét, bổ sung cho chính sách hình sự hóa TPMT. Dưới đây là một số thảo luận và đánh giá minh họa.

(a) Trường hợp 1. Ngày Bộ NN-PTNT đã ban hành Công văn số 970/BNN-KL về tăng cường kiểm tra quản lý động vật và thực vật hoang dã, quy định cấp phép cho các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã nguy cấp, hoặc thuộc nhóm 1B của Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ. Công văn này có thể là cơ sở pháp "nguy hiểm" do có thể khuyến khích việc nuôi nhốt các loài nguy cấp, quý, hiếm, và dễ dàng làm cho chúng suy giảm nhanh chóng ngoài tự nhiên khi nhu cầu nuôi nhốt tăng lên. Khi đó, hành vi sở hữu các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm trở nên hợp pháp và không thể xem như một loại hình tội phạm. Quy định của Bộ NN-PTNT không giải quyết được mẫu thuẫn về mặt quản lý khi hầu hết các cá thể động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm được phép nuôi nhốt đều bắt nguồn từ các hoạt động phi pháp như săn bắt, vận chuyển, buôn bán hoặc trao đổi – và chính các hành vi này lại đang bị xem là tội phạm môi trường. Rõ ràng, Bộ Luật hình sự 199 cần phải xem xét và điều chỉnh lại các quy định của điều 190 liên quan đến hành vi đối với động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm.

(b)Trường hợp 2. Ngày 25/6/2004 Chính phủ ban hành Nghị định 139/2004/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Theo Nghị định này, cơ quan chức năng phải khởi tố khi các đối tượng phá rừng làm rẫy phá vượt mức (mỗi vụ) 5.000 m2 đối với rừng đặc dụng, 7.500 m2 đối với rừng phòng hộ và 10.000 m2 đối với rừng sản xuất. Tuy nhiên, ngày 30/10/2007 Chính phủ lại ban hành Nghị định số 159/2007/NĐ-CP (thay thế cho Nghị định 139/2004/NĐ-CP) đã nới rộng mức xử phạt, quy định phải khởi tố khi các đối tượng phá trên 7.500m2 đặc dụng, trên 10.000 m2 rừng phòng hộ và trên 15.000 m2 đối với rừng sản xuất. Việc nới rộng khung xử phạt hành chính làm cho ranh giới từ vi phạm hành chính và tội phạm môi trường được mở rộng hơn, và do đó khả năng truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội danh này càng khó khăn hơn. Mặc dù tội hủy hoại rừng đã được hình sự hóa theo Điều 189 và 191 (về vi phạm chế độ bảo vệ đặc biệt đối với khu BTTN, gồm cả rừng đặc dụng), tuy nhiên những quy định nới rộng về "định mức vi phạm" như trong Nghị định 159/2007/NĐ-CP có thể làm cho hoạt động phá rừng đốt nương làm rẫy diễn ra phổ biến và phức tạp hơn.

(c)Trường hợp 3. Những quy định của pháp luật về lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) ở Việt Nam hiện có nhiều bất cập do quan niệm sai lệch của nhiều nhà đầu tư và chủ dự án về ĐTM như là một thủ tục để thông quan dự án, mà không quan tâm đến những tác động và nguy cơ môi trường-xã

hội thực sự. Cũng do quan niệm sai lệch nên quá trình xây dựng báo cáo ĐTM thường không tuân thủ đầy đủ quy trình và quy định của pháp luật; độ chính xác của thông tin trong báo cáo không cao và thiếu tin cậy. Quá trình thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM thường theo hướng "duyệt" để "làm". Năng lực giám sát báo cáo ĐTM sau phê duyệt còn yếu kém, kết hợp việc xem nhẹ hoặc làm ngơ yêu cầu tham vấn cộng đồng nên dẫn đến nhiều xung đột, mâu thuẫn với người dân khi đi vào sản xuất. Những yếu kém về ĐTM đã góp phần dẫn đến tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường tràn lan như hiện nay. Chính sách hình sự vi phạm môi trường của Việt Nam cũng chưa xem xét các nội dung liên quan đến ĐTM để có thể ngăn ngừa ngay từ đầu các vi phạm môi trường có thể xảy ra.

NĂNG LỰC THỂ CHẾ VÀ NĂNG LỰC KỸ THUẬT CHƯA ĐÁP ỨNG ĐƯỢC YÊU CẦU TRUY TỐ HÌNH SỰ VI PHẠM MÔI TRƯỜNG

(a) Thẩm quyền điều tra về tội phạm môi trường

Theo Điều 92 Bộ Luật Tố tụng hình sự thì thẩm quyền điều tra TPMT thuộc cơ quan điều tra của lực lượng cảnh sát nhân dân. Bên cạnh đó, một số cơ quan khác cũng có thẩm quyền điều tra ban đầu trong phạm vi quyền hạn và chức năng của mình như Kiểm lâm, Kiểm ngư, Bộ đội biên phòng, Thanh tra môi trường và một số cơ quan khác thuộc lực lượng an ninh, cảnh sát, quân đội, và mới nhất là lực lượng Cảnh sát môi trường (C36). Những cơ quan này tuy không được toàn quyền điều tra vụ án về môi trường, song đều có vị trí luật định trong quá trình điều tra, trong đó nhiệm vụ hoàn thành hồ sơ ban đầu (các vụ vi phạm) và chuyển sang cơ quan điều tra chuyên trách, đề xuất truy tố.

Đây là một điểm yếu về mặt thể chế thi hành pháp luật môi trường ở Việt Nam. Các lực lượng chuyên trách nhất như Thanh tra môi trường, Kiểm lâm, Kiểm ngư, với tư cách là những đơn vị thực thi luật pháp và có hiểu biết chuyên sâu về vi phạm môi trường lại không có quyền điều tra và đấu tranh vi phạm. Cơ quan thanh tra môi trường (cấp sở, bộ) "chỉ được thanh tra khi có quyết định thanh tra". Do không được trao quyền, nên năng lực điều tra ban đầu của các cơ quan chuyên trách này thường yếu. Trong khi đó, cơ quan điều tra chuyên trách của lực lượng cảnh sát lại ít được trang bị những hiểu biết đầy đủ về môi trường cũng như mức độ nguy hại của các vi phạm về môi trường.

Gần đây, ngày 19/3/2009, theo Pháp lệnh Tổ chức Điều tra Hình sự (sửa đổi) đã trao thêm quyền điều tra cho lực lượng cảnh sát môi trường (C36). Khi phát hiệu dấu hiệu vi phạm pháp luật về BVMT, cảnh sát môi trường có quyền tự tiến hành điều tra mà không cần chuyển giao cho đơn vị điều tra chuyên trách thực hiện như trước đây. Pháp lệnh này bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/7/2009.

(b) Lực lượng thực thi pháp luật môi trường mỏng và yếu

Cảnh sát môi trường là một lực lượng mới, được thành lập và hoạt động từ tháng 11/2006. Bộ máy cảnh sát môi trường hiện đã có mặt ở hầu hết các tỉnh, thành phố theo Quyết định số 1081/2007/QĐ-BCA ngày 17/9/2007 của Bộ Công an về thành lập Phòng Cảnh sát môi trường tại Công an các tỉnh. Là lực lượng mới, nên nguồn nhân lực còn mỏng, phương tiện làm việc còn thiếu thốn, chưa có Trung tâm kiểm định để hỗ trợ cho công tác thu thập, bảo quản, đánh giá mẫu vật, chứng cứ chứng minh tội phạm. Bên cạnh đó, lực lượng cảnh sát môi trường cần được đào tạo và bổ trợ các kiến thức, hiểu biết về lĩnh vực môi trường.

Lực lượng thanh tra môi trường hiện cũng rất mỏng. Theo thống kê, mỗi Sở TNMT chỉ có từ 2 -4 cán bộ làm công tác thanh tra BVMT, hiện tại chủ yếu tập trung giải quyết khiếu nại về đất đai. Do lĩnh vực tài nguyên môi trường đa ngành và đa lĩnh vực, nên đội ngũ thanh tra các Sở TN&MT phải đảm nhiệm tất cả các lĩnh vực quản lý của sở, do đó họ khó có thể đáp ứng được yêu cầu thanh, kiểm tra các vi phạm môi trường trên địa bàn của tỉnh, thành phố. Do Sở TN-MT cũng mới thành lập, nên kinh nghiệm thanh tra

BVMT chưa có nhiều, cán bộ hầu hết ở giai đoạn làm quen; có nhiều sở hầu như chưa thực hiện hoạt động thanh tra BVMT nào kể từ khi thành lập đến nay. Ở cấp huyện và xã, thiếu cán bộ có chuyên môn về môi trường để tham mưu cho Chủ tịch UBND cùng cấp, nên hoạt động kiểm tra về BVMT tại địa phương hầu như còn bỏ ngỏ, các vi phạm pháp luật về BVMT ít được xử lý kịp thời.

Bên cạnh đó, lực lượng kiểm lâm cũng gặp nhiều khó khăn để thực hiện trách nhiệm điều tra ban đầu và đề nghị truy tố các vụ tội phạm về tài nguyên rừng. Một mặt, hầu hết cán bộ kiểm lâm không được đào tạo về nghiệm vụ điều tra, mặt khác chi phí điều tra các bằng chứng vi phạm (như xác định mẫu vật động vật nguy cấp) thường tốn kém. Ngoài ra, do địa hình phức tạp nên việc giám sát, bảo quản, thu thập các bằng chứng vi phạm thường rất khó khăn, đặc biệt là các vụ vi phạm xảy ra trong rừng sâu (như hành vi chặt trộm gỗ, săn bắn thú). Bên cạnh đó, mức độ phối hợp và hỗ trợ giữa lực lượng kiểm lâm, cơ quan điều tra và với công dân (địa phương) trong quá trình điều tra tội phạm tài nguyên rừng còn lỏng lẻo do thiếu các chế tài và cơ chế khuyến khích hợp tác của nhà nước.

LỜI KẾT

Trước đây, quan điểm của Việt Nam trong vấn đề tội phạm môi trường là hạn chế hình sự hoá, lấy giáo dục, phòng ngừa là chính. Hoặc nếu có hành vi vi phạm thì chủ yếu áp dụng biện pháp xử lý hành chính, chỉ xử lý hình sự trong những trường hợp cần thiết. Nhưng với tình trạng tội phạm môi trường ngày càng gia tăng như hiện nay, rõ ràng quan điểm và nội dung luật pháp về TPMT hiện tại là chưa đầy đủ và nghiêm minh. Điều này đã và đang tạo nên những lỗ hổng lớn trong hệ thống quản lý và bảo vệ môi trường cũng như bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, làm hạn chế tính răn đe và thực thi của luật pháp. Do vậy, đã đến lúc cần phải có những cách tiếp cận và nhận thức mới hơn để hoàn thiện cơ sở pháp luật về TPMT cũng như công tác giám sát thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các văn bản quy phạm pháp luật

1. Bộ Luật hình sự của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, số 15/1999/ ngày 21/12/2999
2. Bộ Luật dân sự của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005
3. Luật Bảo vệ Môi trường của nước Cộng hòa XHCN Việt nam, số 52/2005/QH11 ngày 29/11/2005
4. Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, số 29/2004/QH11 ngày 03/12/2004
5. Luật Tài nguyên Nước của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, số 08/1998/QH10 ngày 20/5/1998
6. Luật Thủy sản của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, số 17/2003/QH11 ngày 26/11/2003
7. Luật Khoáng sản của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, số 47/L-CTN ngày 03/4/1996
8. Luật Doanh Nghiệp của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005
9. Nghị định 49/2006/NĐ-CP ngày 18/5/2006 của Chính phủ về đăng ký và mua bán tàu biển
10. Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng quý hiếm nguy cấp
11. Nghị định 139/2004/NĐ-CP ngày 25/6/2004 của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.
12. Nghị định 159/2007/NĐ-CP ngày 30/10/2007 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản
13. Thông thư liên tịch 02/2007/TTLT-BCT-BTNMT của Bộ Công thương và Bộ tài nguyên môi trường về việc hướng dẫn thực hiện Điều 43 Luật bảo vệ môi trường về tiêu chuẩn, điều kiện kinh doanh nhập khẩu phế liệu.
14. Dự thảo nghị định của Chính phủ quy định về xác định thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với môi trường.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ công an (2008). Công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Kỷ yếu hội thảo "Phòng ngừa, đấu tranh, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về BVMT. Trách nhiệm của chúng ta". Trang 62 – 65.
2. *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (2000)*. NXB Công an Nhân dân, Hà Nội. trang 463
3. Phạm Văn Lợi (cb) (2004). *Tội phạm về môi trường: một số vấn đề về lí luận và thực tiễn. Nhà xuất bản chính trị quốc gia*. Trang 95.
4. Trung tâm nghiên cứu tài nguyên môi trường (CRES) (2007). *Đánh giá một số tác động về môi trường, kinh tế và xã hội của chính sách về buôn bán động thực vật hoang dã ở Việt Nam.* Báo cáo tư vấn dự án "Nâng cao năng lực quốc gia trong đánh giá các chính sách buôn bán động, thực vật hoang dã nhằm hỗ trợ Công ước về Buôn bán Quốc tế Các loài Động, Thực vật bị đe doạ". Trang 11.
5. Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV).Tháng 7/2008. *Bản tin về nạn buôn bán động vật hoang dã Việt Nam*

Tham khảo khác

1. Bộ Tài nguyên Môi trường tập trung thanh tra những lĩnh vực nóng
   http://www.monre.gov.vn/MONRENET/default.aspx?tabid=213&ItemID=60423
2. Báo động nguồn nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường
   http://www.tienphong.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=127943&ChannelID=46
3. Đủ căn cứ khởi tố hình sự Công ty Vedan
   http://vtc.vn/xahoi/dothi/du-can-cu-khoi-to-hinh-su-cong-ty-vedan/191391/index.htm
4. Mới có 2/10 tội danh về tội phạm môi trường bị đưa ra xét xử
   http://www.laodong.com.vn/Home/Moi-co-210-toi-danh-ve-toi-pham-moi-truong-bi-dua-ra-xet-xu/20087/96729.laodong
5. Săn bắn động vật hoang dã trái phép ở khu bảo tồn Ea Sô
   http://www.vnexpress.net/GL/Topic/?ID=1550
6. Vụ án nấu cao hổ ở Hà Nội
   http://vietnamnet.vn/xahoi/2008/01/766732/

Ford Foundation

Thảo luận chính sách này được thực hiện trong khuôn khổ Dự án "Nâng cao năng lực giám sát thực thi luật pháp và chính sách bảo vệ môi trường ở Việt Nam" do Quỹ Ford (Hoa Kỳ) tài trợ (2008-2010).

Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) là tổ chức phi lợi nhuận hoạt động nhằm bảo vệ môi trường, bảo tồn sự đa dạng và phong phú của thiên nhiên, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương thông qua tìm kiếm, quảng bá, thực hiện các giải pháp bền vững và thân thiện với môi trường.

Thông tin về các chương trình và hoạt động của PanNature xin tham khảo tại website: www.nature.org.vn

Thiết kế: nghiemhoanganh267@yahoo.com